TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 26/6/2019
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh Nhàn
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà: Hà Thị Vẽ
2. Ông Trương Quang Lương

- Thư ký phiên toà: Ông Dương Đức Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên toà số 42A/2019/QĐST-DS ngày 06/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B (gọi tắt là LienVietpostBank); Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower: 109 Trần Hưng Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền hiện tại: Ông Lê Vũ H – Chuyên viên Ngân hàng B chi nhánh Q. Địa chỉ: 01 Trần Hưng Đ, phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. (Được ủy quyền theo Quyết định uỷ quyền số 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017 từ ông Phạm Doãn S và Giấy ủy quyền số 567/2019/UQ-LienVietpostbank ngày 14/3/2019 từ ông Nguyễn Văn Ch – Giám đốc chi nhánh Quảng Bình). Ông H có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Mỹ D, sinh năm: 1976. Địa chỉ: thôn Th, xã Thuận Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, Ngân hàng thương mại cổ phần B trong đơn khởi kiện và trong các văn bản tố tụng cũng như tại phiên tòa trình bày:

Ngày 22/6/2016, Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Q đã ký Hợp đồng tín dụng số 370/2016/HDTD.450 và KUNN số 370/2016/KUNN để cấp tín dụng cho bà Phan Thị Mỹ D, công tác tại: Đại đội 20/Phòng tham mưu – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Q, với tổng số tiền là: 200.000.000đ, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất

13,5%/năm, mục đích vay: Thanh toán tiền thi công sửa chữa nhà ở theo hợp đồng làm nhà ở. Hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay cố định 3 tháng đầu tiên kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận nợ. Sau thời gian trên áp dụng lãi suất thả nỗi và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm điều chỉnh. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến 26.6.2017 do không trả được nợ theo cam kết nên khoản nợ trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Kể từ khi khoản vay chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng TMCP B đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà D thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà D vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ theo cam kết, sau đó phía ngân hàng được biết bà D đã ra quân và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ bằng cách cắt liên lạc từ phía ngân hàng nên ngân hàng không có thông tin về bà D. Bà D mới thanh toán được một phần tiền gốc là 39.285.601đ, tính đến ngày 26/6/2019 dư nợ là: 220.869.571 đồng (trong đó dư nợ gốc: 160.714.399 đồng, nợ lãi trong hạn 53.363.350 đồng, nợ lãi quá hạn là: 6.791.822 đồng).

Vì vậy, để thu hồi nợ vay nói trên, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu: bà Phan Thị Mỹ D thanh toán cho Ngân hàng số tiền 220.869.571 đồng và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nói trên cho đến ngày bà D thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

* Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đ đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho bị đơn kèm theo giấy triệu tập đến tòa án nhưng bị đơn không đến Tòa án theo thời gian quy định. Vì vậy tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp cho bị đơn nhưng không tiến hành giao nhận được (có lập biên bản) vì hiện nay bà D không có mặt tại địa phương. Điều đó cũng phù hợp với Biên bản xác minh ngày 03/6/2019 tại Công an xã Th (do Ngân hàng B chi nhánh Q cung cấp) về sự việc bị đơn không có tại địa phương. Hiện nay bà D đã ra quân, nghỉ theo chế độ và hưởng lương hưu (thể hiện qua việc chi trả lương hưu hàng tháng tại hệ thống cơ quan Bưu điện và có văn bản ủy quyền của bà D về việc nhận thay lương hưu để trích trừ trả nợ cho ngân hàng).Việc tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo luật định không có kết quả. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo luật định để đưa vụ án ra xét xử

Tại phiên toà đại diện nguyên đơn Ngân hàng B trình bày yêu cầu khởi kiện và xin rút 1 phần yêu cầu đối với khoản phạt chậm trả lãi theo hợp đồng, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết và cũng là nơi đăng ký nhân khẩu thường trú của bị đơn. Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới

thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35; Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 BLTTDS. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, hòa giải nhưng bên bị đơn vắng mặt, không tiến hành hòa giải được (có lập biên bản). Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Ngày 06/6/2019 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số 61/2019/QĐST-DS ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới. Bà Phan Thị Mỹ D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 42A/2019/QĐST-DS ngày 06/6/2098 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 26/6/2019 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 BLTTDS. Nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên HĐXX căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Diệu

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và các chứng cứ có trong hồ sơ xác định được năm 2016, bà Phan Thị Mỹ D đã ký với Ngân hàng B chi nhánh Q hợp đồng tín dụng số 370/2016/HDTD.450 ngày 22/6/2016, để vay với tổng số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay: sửa chữa nhà ở; lãi suất cho vay: 13,5%/năm, với phương thức áp dụng lãi suất cho vay cố định trong 3 tháng đầu tiên kể từ ngày đầu tiên bên vay bắt đầu nhận nợ. Sau thời gian trên áp dụng lãi suất thả nổi và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm điều chỉnh. Hình thức bảo đảm cho khoản vay của bị đơn là lương, thưởng hàng tháng của bà D. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] . Quá trình thực hiện hợp đồng bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng chi tiết lịch sử các khoản vay do Ngân hàng B chi nhánh Q cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bà D đã thực hiện được một phần nội dung hợp đồng tín dụng nhưng đến tháng 26/6/2017 đã để phát sinh nợ quá hạn. Hiện nay bà D đã không còn công tác tại đơn vị Đại đội 20/Phòng tham mưu – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Bình nên nghĩa vụ trả nợ của bà thông qua trích trừ lương không được đảm bảo. Hiện nay khoản nợ đã chuyển qua nợ quá hạn, ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp cũng như tạo điều kiện để bà Diệu tìm mọi khả năng thanh toán nợ nhưng bà D vẫn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Sau đó phía Ngân hàng cũng đã dùng nhiều biện pháp để tiếp cận cũng như tìm hiểu thông tin của bị đơn nhưng không có thông tin. Như vậy, bà Diệu đã vi phạm hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên về thời gian thanh toán nợ gốc và lãi. Theo yêu cầu của nguyên đơn thì tính đến ngày xét xử 26/6/2019 tổng số tiền bị đơn chưa trả cho Ngân hàng B là: 220.869.571 đồng (trong đó dư nợ gốc: 160.714.399 đồng, nợ lãi trong hạn 53.363.350 đồng, nợ lãi quá hạn là: 6.791.822 đồng). Ngân hàng B yêu cầu bà D tìm mọi nguồn thu để trả

nợ cho ngân hàng số tiền nói trên và tiếp tục tính lãi cho đến khi trả hết số nợ là hoàn toàn có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu rút một phần khởi kiện là khoản phạt chậm trả lãi theo hợp đồng, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 244 BLTTDS nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 35; Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 116, 119, 385, 398, 401, 463, 466, 688 Bộ luật dân sự (2005;
- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010);
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B.

1.1. Buộc bà Phan Thị Mỹ D phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền tính đến ngày 26/6/2019 là: 220.869.571 đồng (trong đó dư nợ gốc: 160.714.399 đồng, nợ lãi trong hạn 53.363.350 đồng, nợ lãi quá hạn là: 6.791.822 đồng).

1.2. Từ ngày 27/6/2019 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng bà D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 370/2016/HDTD.450 và KUNN số 370/2016/KUNN mà hai bên đã ký kết.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khoản phạt chậm trả lãi theo hợp đồng.

3. Án phí:

3.1. Bị đơn bà Phan Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 11.043.000 đồng.

3.2. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.410.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000728 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hoàng Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Bình;*
- *VKSND TP. Đồng Hới;*
- *Chi cục THADS TP. Đồng Hới;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án.*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**